

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 30-6-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28-5-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Dương Thanh T1**; sinh năm: 1979. Địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Bích T** trình bày:*

Chị và anh T1 chung sống và kết hôn vào năm 2013, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng ý kiến trong tất cả mọi việc chủ yếu do anh T1 ham mê cờ bạc, không lo làm ăn gây nợ nần, khó khăn cho gia đình.

Vợ chồng ly thân từ tháng 11-2019 đến nay chị đi ở trọ tại phường N1, thành phố TN. Quá trình ly thân, anh chị đã cố gắng đoàn tụ nhưng anh chị không thể hàn gắn.

Nay về hôn nhân chị T xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

Bị đơn anh Dương Thanh T1 trình bày:

Anh T1 xác định chị T trình bày đúng về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh xác định vợ chồng mâu thuẫn do anh ham mê cờ bạc. Anh thừa nhận lỗi lầm mong chị T cho cơ hội sửa chữa để gia đình đoàn tụ

Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, chị T bỏ đi ở trọ. Quá trình ly thân, anh chị đã cố gắng đoàn tụ nhưng không thành. Nay **chị T** yêu cầu ly hôn thì **anh** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị CT, sinh ngày 2013, con chung hiện đang sống với anh T1. Anh chị thống nhất giao con chung cho anh nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh đồng ý nuôi con chung, anh yêu cầu không cho chị T thăm nom con chung sau ly hôn vì chị T không làm tròn trách nhiệm người mẹ chỉ khi Tòa án ghi nhận nội dung trên anh mới đồng ý biên bản thuận tình ly hôn.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, chị T có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị CT. Ghi nhận anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 tự nguyện chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo quy định. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên không còn chung sống từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay, chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thị CT, sinh ngày 21-10-2013.

Hiện con chung đang sống cùng anh T1. Ghi nhận hai bên cùng thống nhất anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị CT, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 yêu cầu không cho chị T thăm nom con chung sau khi ly hôn để làm điều kiện anh ký đồng ý ly hôn là không phù hợp, chị T cũng không bị hạn chế quyền đối với con theo Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị T thăm nom con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ đối với con theo Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không chấp nhận yêu cầu của anh T1.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Ngân phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Dương Thanh T1.

1.1. Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Dương Thanh T1 chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có một con chung: Dương Thị CT, sinh ngày 21-10-2013.

Anh Dương Thanh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Thị CT. Ghi nhận anh Dương Thanh T1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004316 ngày 06-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Dương Thanh T1 không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- UBND xã nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TẠ THỊ HẠ